

# **HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA KÊNH BA**

Chiêm Trường An

## **TÀI LIỆU Đặc tả yêu cầu phần mềm**

Mã hiệu dự án: QLBHDK

Mã hiệu tài liệu: QLBHDK\_01

TP.HCM, 08/2023

## 1. GIỚI THIỆU

### 1.1 Mục đích

Tài liệu thiết kế chi tiết được tạo với mục đích:

- Giúp cán bộ phát triển thực hiện lập trình chức năng
- Giúp cán bộ kiểm thử thực hiện lập kịch bản kiểm thử và test chương trình

### 1.2 Phạm vi

Mô tả chi tiết toàn bộ các chức năng của hệ thống

### 1.3 Khái niệm, thuật ngữ

Thuật ngữ	Định nghĩa	Ghi chú
BF	Basic Flow	
AF	Alternate Flow	
EF	Exception Flow	

## 2. TỔNG QUAN HỆ THỐNG

### 2.1 Phát biểu bài toán

- Hiện nay, khách hàng của công ty X đang có chiều hướng giảm sút.
- Công ty chưa có hệ thống để hỗ trợ khách hàng của mình theo dõi được các đơn hàng sau khi gửi cho bên họ vận chuyển. Điều này góp phần làm cho trải nghiệm khách hàng về công ty không tốt.
- Công ty chưa có các chức năng quản lý và thống kê doanh thu.

### 2.2 Mục tiêu hệ thống

- Xây dựng hệ thống bán hàng đa kênh trên nền tảng website bao gồm các chức năng như quản lý tồn kho, thống kê doanh thu.
- Tăng trải nghiệm của khách hàng về dịch vụ hệ thống.

### 2.3 Phạm vi hệ thống

Thiết lập cho nội bộ công ty và khách hàng.

## 2.4 Danh sách Use Case

Tên Use Case	Tác nhân chính
1. Quản lý kho hàng	
1.1 Nhập kho	
UC-001: Tạo phiếu nhập kho	Nhân viên
UC-002: Chỉnh sửa phiếu nhập kho	Nhân viên
UC-003: Xóa phiếu nhập kho	Nhân viên
1.2 Xuất kho	
UC-004: Tạo phiếu xuất kho	Nhân viên
UC-005: Chỉnh sửa phiếu xuất kho	Nhân viên
UC-006: Xóa phiếu xuất kho	Nhân viên
1.3 Kiểm kê kho	
UC-007: Tạo phiếu kiểm kê kho	Nhân viên
UC-008: Chỉnh sửa phiếu kiểm kê kho	Nhân viên
1.4 Điều chỉnh kho	
UC-009: Tạo phiếu điều chỉnh kho	Nhân viên
UC-010: Chỉnh sửa phiếu điều chỉnh kho	Nhân viên

2. Dashboard	
UC-011: Xem thống kê doanh thu	Quản lý

## 2.5 Tài nguyên hệ thống.

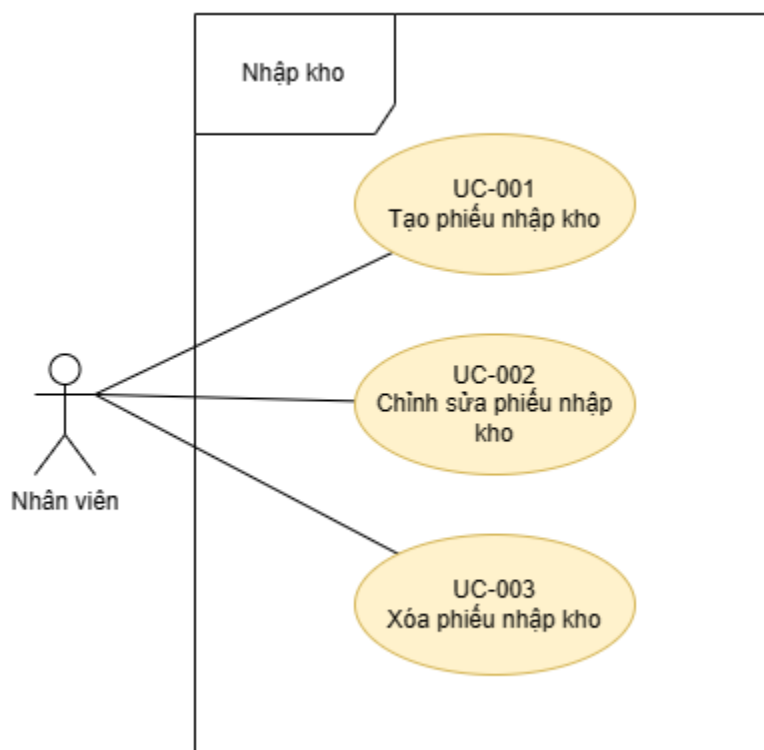
Tên tài nguyên	Mô tả
Link Figma: <a href="#">Figma</a>	Figma chứa bản vẽ wireframe và mockup của hệ thống

## 3. ĐẶC TẢ HỆ THỐNG

### 3.1 Quản lý kho hàng

#### 3.1.1 Nhập kho

**Biểu đồ Use Case Nhập Kho:**



Hình 1: Use Case Nhập Kho.

**3.1.1.1 UC-001: Tạo phiếu nhập kho**

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên tạo phiếu nhập thông tin sản phẩm vào kho hàng.
Actors	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên</li> <li>Quản lý</li> </ul>
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên biết thông tin sản phẩm cần nhập vào kho.</li> <li>Nhân viên được phân quyền nhập kho.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên tạo phiếu nhập kho thành công.</li> <li>Hệ thống ghi nhận thông tin phiếu.</li> <li>Phiếu nhập kho không được xóa và sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn tạo phiếu nhập kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Nhấn nút tạo phiếu nhập kho	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị phiếu điền thông tin sản phẩm cần nhập	
BF-3	Nhân viên	Nhân viên nhập các thông tin sau : <ul style="list-style-type: none"> <li>Mã phiếu nhập</li> <li>Nhà cung cấp</li> <li>Ngày nhập kho</li> <li>Sản phẩm</li> <li>Số lượng</li> <li>Đơn giá nhập</li> <li>Trạng thái thanh toán</li> </ul>	
BF-4	Nhân viên	Nhấn nút tạo phiếu	

BF-5	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-6	Hệ thống	Chuyển thông tin phiếu vào danh sách chờ xác nhận cho người quản lý	
BF-7	Quản lý	Xác nhận thông tin phiếu	UC-10 : Xác nhận phiếu
BF-8	Hệ thống	Điều chỉnh dữ liệu.	UC-1 : Điều chỉnh dữ liệu
BF-9	Hệ thống	Xác nhận tạo phiếu thành công	
BF-10	Hệ thống	Thông báo cho nhân viên trạng thái tạo phiếu nhập kho	

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-5]	

**Luồng tương tác ngoại lệ****EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ**

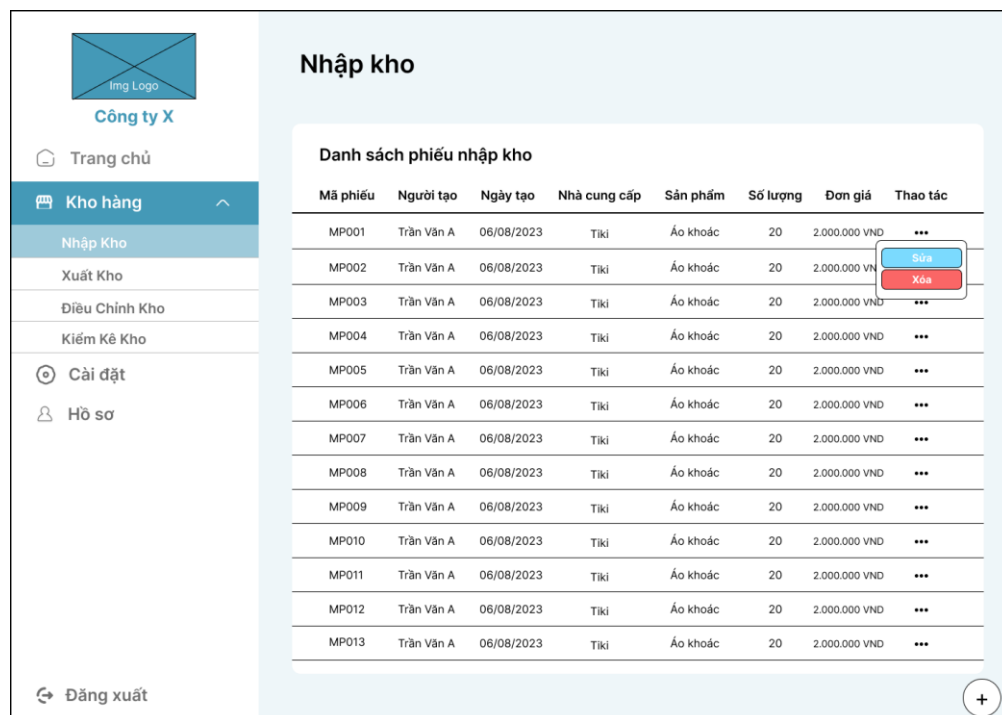
Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

**EF-2 : Nhân viên chọn hủy tạo phiếu**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” tạo phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	


**b. Màn hình**

Màn hình danh sách phiếu nhập kho.



Hình 2: Xem danh sách phiếu nhập kho.

## Màn hình tạo phiếu



Công ty X

Trang chủ

Kho hàng

Nhập kho

Xuất Kho

Điều Chỉnh Kho

Kiểm Kế Kho

Cài đặt

Hồ sơ

Đăng xuất

Nhập kho

Danh sách phiếu nhập kho

Tạo Phiếu Nhập Kho

Mã phiếu nhập (\*):

Ex : MP001

Nhà cung cấp (\*):

Ex : Tiki

Tên Sản Phẩm (\*):

Ex : Áo khoác len....

Số lượng (\*):

Ex : 10

Ngày nhập (\*):

Ex : 10/12/2023

Đơn giá nhập (\*):

Ex : 100.000 VND

Trạng thái thanh toán (\*):

Ex : Chưa

Tạo đơn

	Số lượng	Đơn giá	Thao tác				
MP011	Trần Văn A	06/08/2023	Tiki	Áo khoác	20	2.000.000 VND	...
MP012	Trần Văn A	06/08/2023	Tiki	Áo khoác	20	2.000.000 VND	...
MP013	Trần Văn A	06/08/2023	Tiki	Áo khoác	20	2.000.000 VND	...

Hình 3: Form điền thông tin nhập kho.

### 3.1.1.2 UC-002: Chỉnh sửa phiếu nhập kho

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên chỉnh sửa thông tin phiếu nhập kho đã tạo.
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phiếu nhập kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>• Phiếu nhập kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>• Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhân viên chỉnh sửa phiếu nhập kho thành công.</li> <li>• Hệ thống ghi nhận thông tin phiếu sau khi chỉnh sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin phiếu nhập kho.



**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu nhập kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu nhập kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu nhập kho cần chỉnh sửa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu nhập kho đã chọn	
BF-5	Nhân viên	Chọn vào trường muốn thay đổi thông tin và nhập thông tin cần thay đổi.	
BF-6	Nhân viên	Nhấn nút chỉnh sửa phiếu	
BF-7	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-8	Hệ thống	Cập nhật thông tin phiếu vừa chỉnh sửa ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo cập nhật phiếu thành công	

**Luồng tương tác thay thế****AF-1: Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ	

		thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-7]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

#### EF-1: Hệ thống mất kết nối với máy chủ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

#### EF-2: Nhân viên chọn hủy chỉnh sửa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” chỉnh sửa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

### b. Màn hình

Giao diện sửa phiếu

Công ty X

Trang chủ

Kho hàng

Nhap Kho

Xuat Kho

Dieu Chinh Kho

Kiem Ke Kho

Cai dat

Hoi so

Dang xuat

Nhap kho

Danh sach phieu nhap kho

Sua Phieu Nhap Kho

Mã phiếu nhập (\*)Nhà cung cấp (\*)Mã sản phẩm (\*)Số lượng (\*)Ngày nhập (\*)Đơn giá nhập (\*)Trạng thái thanh toán (\*)Thay đổi

Lượng	Đơn giá	Thao tác
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
20	2.000.000 VND	•••
MP011	Trần Văn A	06/08/2023TikiÁo khoác
MP012	Trần Văn A	06/08/2023TikiÁo khoác
MP013	Trần Văn A	06/08/2023TikiÁo khoác

Hình 4: Form thay đổi thông tin phiếu nhập kho.

### 3.1.1.3 UC-003: Xóa phiếu nhập kho

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên xóa phiếu nhập kho đã tạo.
Actors	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên</li> </ul>
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu nhập kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>Phiếu nhập kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên xóa phiếu nhập kho thành công.</li> <li>Hệ thống xóa phiếu nhập kho khỏi dữ liệu.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn xóa thông tin phiếu nhập kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu nhập kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu nhập kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu nhập kho cần xóa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu nhập kho đã chọn	
BF-5	Nhân viên	Chọn vào nút “Xóa”.	
BF-6	Hệ thống	Hiển thị thông báo xác nhận chắc chắn xóa phiếu.	
BF-7	Nhân viên	Chọn vào nút “Xác nhận”	AF-1 : Nhân viên không xác nhận xóa phiếu
BF-8	Hệ thống	Xóa thông tin phiếu ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo xóa phiếu thành công	

**Luồng tương tác thay thế****AF-1 : Nhân viên không xác nhận xóa phiếu**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Nhân viên	Chọn vào nút “Không”	
AF-1-2	Hệ thống	Đóng thông báo xác nhận chắc chắn xóa phiếu	
AF-1-3		[Đi đến BF-2]	

## Luồng tương tác ngoại lệ

### EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ

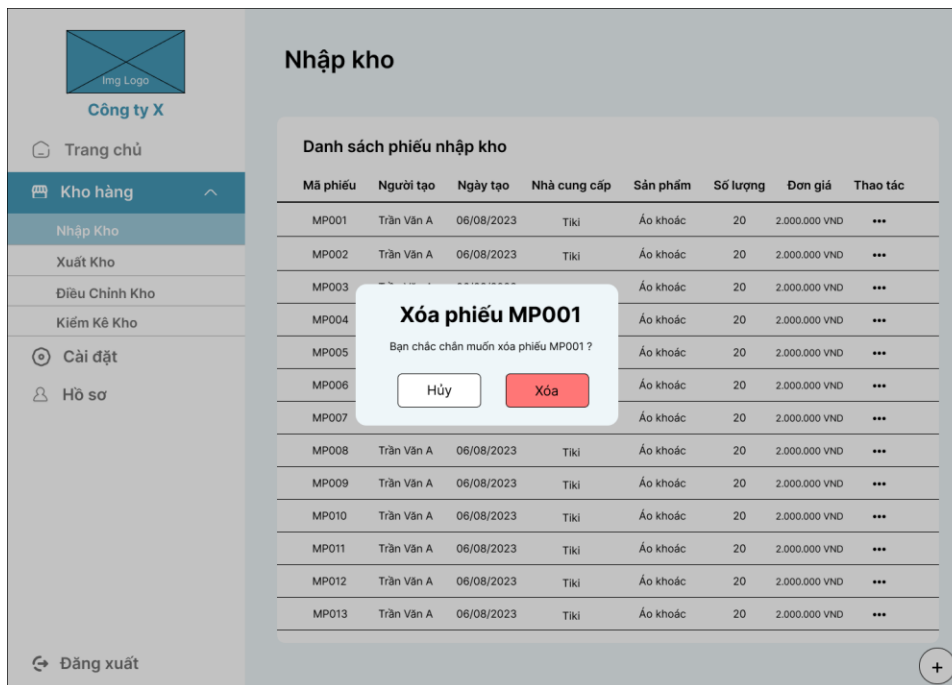
Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

### EF-2 : Nhân viên chọn hủy xóa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” xóa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

## b. Màn hình

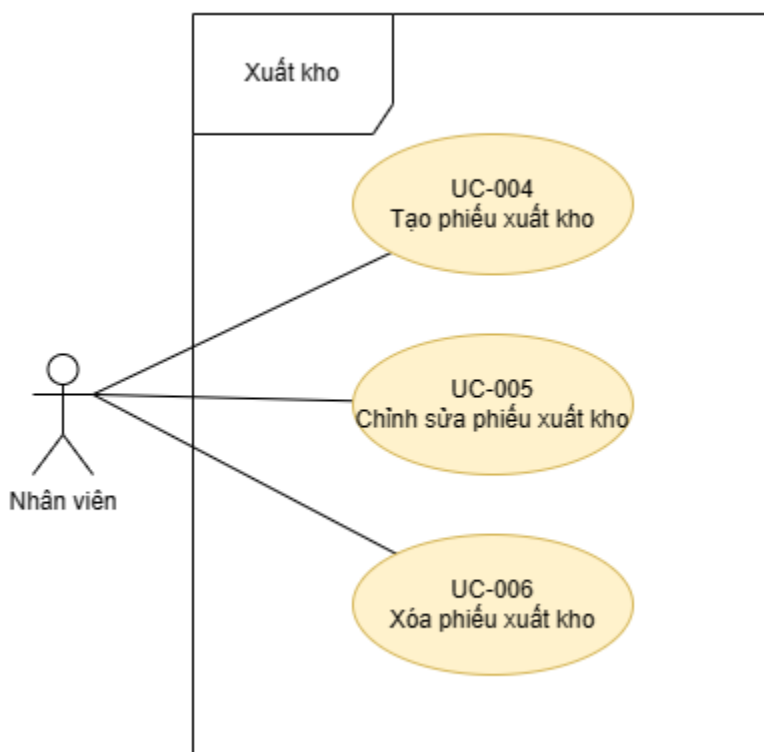
### Màn hình thông báo xóa phiếu



Hình 5: Xác nhận xóa phiếu.

### 3.1.2 Xuất kho.

#### Biểu đồ Use Case Xuất Kho:



Hình 6: Biểu đồ Use Case Xuất Kho.

#### 3.1.2.1 UC-004: Tạo phiếu xuất kho

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên tạo phiếu xuất kho để làm thủ tục xuất hàng hóa ra khỏi kho, bàn giao hàng cho đơn vị vận chuyển.
Actors	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên</li> <li>Quản lý</li> </ul>
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên biết thông tin sản phẩm cần xuất khỏi kho.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên tạo phiếu xuất kho thành công.</li> <li>Hệ thống ghi nhận thông tin tạo phiếu.</li> <li>Phiếu xuất kho không được xóa và sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin phiếu xuất kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Nhấn nút tạo phiếu xuất kho	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị phiếu điền thông tin sản phẩm cần xuất	
BF-3	Nhân viên	Nhân viên nhập các thông tin sau : <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mã đơn hàng</li> <li>• Sản phẩm : có thể chọn nhiều sản phẩm trong 1 phiếu</li> <li>• Số lượng : tương ứng với từng sản phẩm</li> <li>• Thời gian xuất kho</li> <li>• Người xuất kho</li> <li>• Người nhận hàng</li> </ul>	
BF-4	Nhân viên	Nhấn nút gửi phiếu	
BF-5	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-6	Hệ thống	Chuyển thông tin phiếu vào danh sách chờ xác nhận cho người quản lý	
BF-7	Quản lý	Xác nhận thông tin phiếu	
BF-8	Hệ thống	Điều chỉnh dữ liệu.	
BF-9	Hệ thống	Xác nhận tạo phiếu thành công	

BF-10	Hệ thống	Thông báo cho nhân viên trạng thái tạo phiếu xuất kho	
-------	----------	---	--

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-5]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

#### EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

#### EF-2 : Nhân viên chọn hủy tạo phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” tạo phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	



## b. Màn hình

Màn hình danh sách phiếu xuất kho.

The screenshot shows a web application interface for 'Công ty X'. The left sidebar contains navigation links: Trang chủ, Kho hàng (selected), Nhập Kho, Xuất Kho, Điều Chính Kho, Kiểm Kê Kho, Cài đặt, and Hồ sơ. The main content area is titled 'Xuất kho' and displays a table titled 'Danh sách phiếu xuất kho'.

Mã đơn hàng	Sản phẩm	Số lượng	Thời gian xuất kho	Người xuất kho	Người nhận hàng	Thao tác
DH001	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH002	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH003	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH004	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH005	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH006	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH007	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH008	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH009	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH010	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH011	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH012	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...
DH013	Áo khoác	20	06/08/2023	Trần Văn A	Trần Văn A	...

Hình 7: Xem danh sách phiếu xuất kho.

Màn hình tạo phiếu

The screenshot shows the same 'Xuất kho' screen as Figure 7, but with a modal form titled 'Tạo Phiếu Xuất Kho' open. The modal contains the following fields and options:

- Mã đơn hàng (\*):** Text input with placeholder 'Ex : MP001'.
- Chọn Sản Phẩm (\*):** A 'Chọn' button.
- Sản phẩm:** A dropdown menu showing a list of products:
 

Chọn	Mã SP	Tên SP	Số lượng
<input type="checkbox"/>	SP001	Áo khoác	1
<input type="checkbox"/>	SP002	Áo khoác	3
<input type="checkbox"/>	SP003	Áo khoác	1
<input type="checkbox"/>	SP004	Áo khoác	2
<input type="checkbox"/>	SP005	Áo khoác	1
- Ngày xuất:** Text input with placeholder 'Ex : 10/12'.
- Người xuất:** Text input with placeholder 'Ex : Trần'.
- Người nhận hàng (\*):** Text input with placeholder 'Trần Văn A'.

The modal also includes 'Hủy' and 'Chọn' buttons at the bottom.

Hình 8: Điền thông tin phiếu xuất kho.

**3.1.2.2 UC-005: Chỉnh sửa phiếu xuất kho**

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên chỉnh sửa thông tin phiếu xuất kho đã tạo.
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phiếu xuất kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>• Phiếu xuất kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>• Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhân viên chỉnh sửa phiếu xuất kho thành công.</li> <li>• Hệ thống ghi nhận thông tin phiếu sau khi chỉnh sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin phiếu xuất kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu xuất kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu xuất kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu xuất kho cần chỉnh sửa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu xuất kho đã chọn	

BF-5	Nhân viên	Chọn vào trường muốn thay đổi thông tin và nhập thông tin cần thay đổi.	
BF-6	Nhân viên	Nhấn nút chỉnh sửa phiếu	
BF-7	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-8	Hệ thống	Cập nhật thông tin phiếu vừa chỉnh sửa ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo cập nhật phiếu thành công	

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1: Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-7]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

#### EF-1: Hệ thống mất kết nối với máy chủ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển	

		thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

EF-2: Nhân viên chọn hủy chỉnh sửa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” chỉnh sửa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

### b. Màn hình

Giao diện sửa phiếu

Img Logo

Công ty X

Trang chủ

Kho hàng

Nhập Kho

Xuất Kho

Điều Chính Kho

Kiểm Kế Kho

Cài đặt

Hồ sơ

Đăng xuất

Xuất kho

Danh sách phiếu xuất kho

Sửa Phiếu Xuất Kho

Mã đơn hàng (\*)

MP001

Chọn Sản Phẩm (\*)

Chọn

Sản phẩm đã chọn :

SP001

SP002

SP004

Ngày xuất (\*)

10/12/2023

Người xuất kho (\*)

Trần Văn A

Người nhận hàng (\*)

Trần Văn B

Cập nhật đơn

Người nhận hàng

Thao tác

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

Trần Văn A

...

DH012

Áo khoác

20

06/08/2023

Trần Văn A

Trần Văn A

...

DH013

Áo khoác

20

06/08/2023

Trần Văn A

Trần Văn A

...

Hình 9: Form thay đổi thông tin phiếu xuất kho.

**3.1.2.3 UC-006: Xóa phiếu xuất kho**

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên xóa phiếu xuất kho đã tạo.
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu xuất kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>Phiếu xuất kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên xóa phiếu xuất kho thành công.</li> <li>Hệ thống xóa phiếu xuất kho khỏi dữ liệu.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn xóa thông tin phiếu xuất kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu xuất kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu xuất kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu xuất kho cần xóa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu xuất kho đã chọn	
BF-5	Nhân viên	Chọn vào nút “Xóa”.	

BF-6	Hệ thống	Hiển thị thông báo xác nhận chắc chắn xóa phiếu.	
BF-7	Nhân viên	Chọn vào nút “Xác nhận”	AF-1 : Nhân viên không xác nhận xóa phiếu
BF-8	Hệ thống	Xóa thông tin phiếu ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo xóa phiếu thành công	

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1 : Nhân viên không xác nhận xóa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Nhân viên	Chọn vào nút “Không”	
AF-1-2	Hệ thống	Đóng thông báo xác nhận chắc chắn xóa phiếu	
AF-1-3		[Đi đến BF-2]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

#### EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ

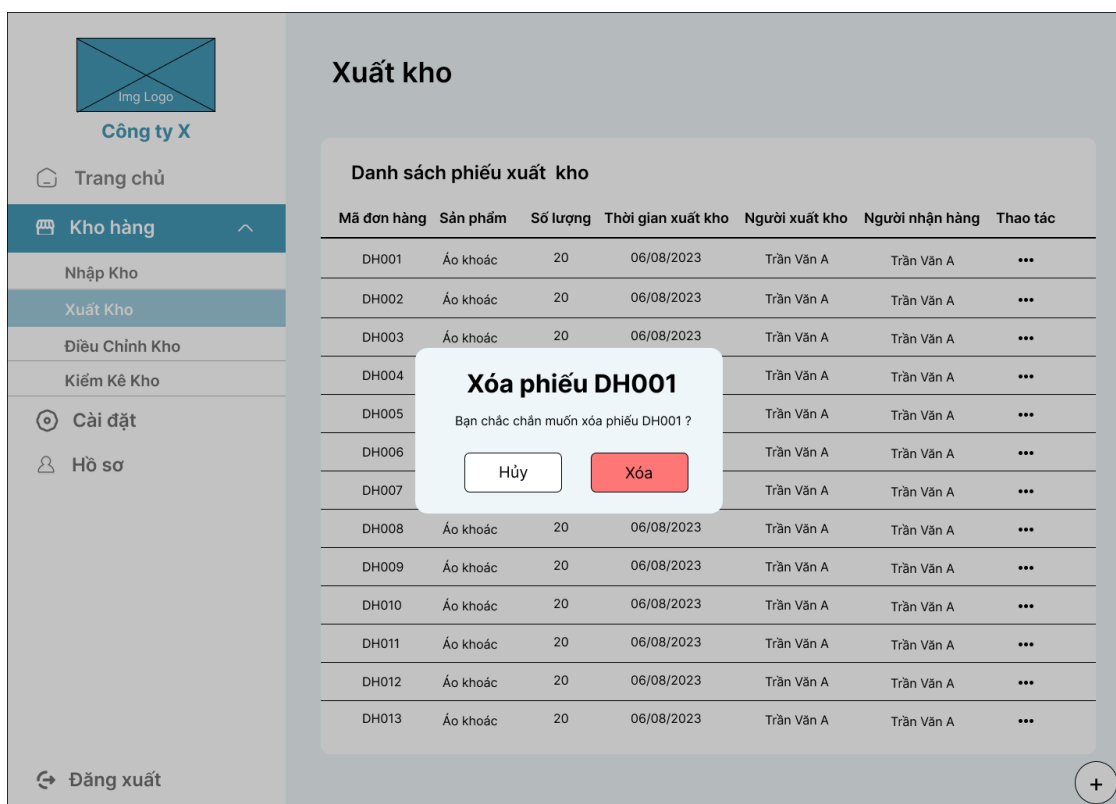
Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

#### EF-2 : Nhân viên chọn hủy xóa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” xóa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

## b. Màn hình

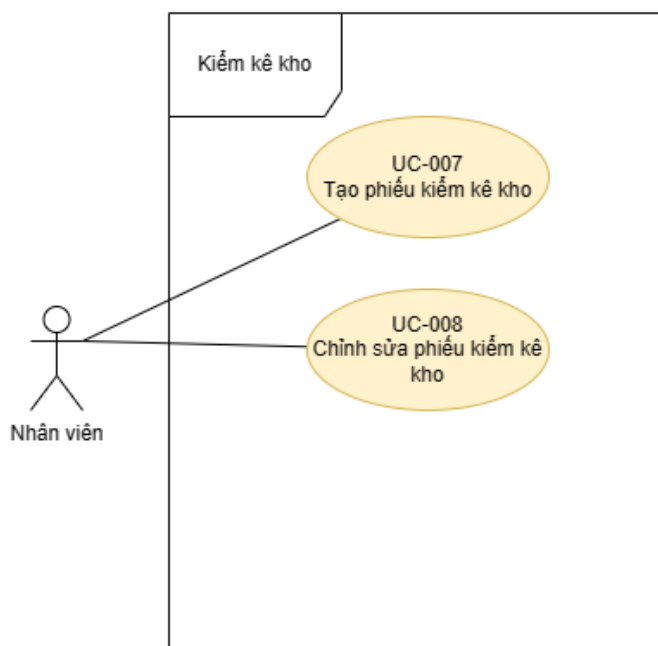
Màn hình thông báo xóa phiếu



Hình 10: Xác nhận xóa phiếu.

### 3.1.3 Kiểm kê kho

#### Biểu đồ Use Case Kiểm Kê Kho:



Hình 11: Biểu đồ Use Case Kiểm Kê Kho.

#### 3.1.3.1 UC-007: Tạo phiếu kiểm kê kho

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên tạo phiếu kiểm kê lại số lượng hàng hóa trong kho đã khớp với số lượng hàng hóa được lưu trên phần mềm hay không
Actors	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên</li> <li>Quản lý</li> </ul>
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên biết thông cần tạo phiếu kiểm kê kho.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên tạo phiếu kiểm kê thành công.</li> <li>Hệ thống ghi nhận lại thông tin phiếu.</li> <li>Phiếu kiểm kê kho không được sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn tạo phiếu kiểm kê số lượng hàng hóa trong kho



**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Nhấn nút tạo phiếu kiểm kê kho	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị phiếu điền thông tin kiểm kê kho	
BF-3	Nhân viên	Nhân viên nhập các thông tin sau : <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mã sản phẩm</li> <li>• Tên sản phẩm</li> <li>• Số lượng tồn kho</li> <li>• Số lượng thực tế</li> <li>• Chênh lệch</li> <li>• Giá trị chênh lệch</li> </ul>	
BF-4	Nhân viên	Nhấn nút gửi phiếu	
BF-5	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-6	Hệ thống	Chuyển thông tin phiếu vào danh sách chờ xác nhận cho người quản lý	
BF-7	Quản lý	Xác nhận thông tin phiếu	
BF-8	Hệ thống	Điều chỉnh dữ liệu.	
BF-9	Hệ thống	Xác nhận tạo phiếu thành công	
BF-10	Hệ thống	Thông báo cho nhân viên trạng thái tạo phiếu kiểm kê kho	

**Luồng tương tác thay thế****AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-5]	

**Luồng tương tác ngoại lệ****EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

**EF-2 : Nhân viên chọn hủy tạo phiếu**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” tạo phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

## b. Màn hình

Màn hình danh sách phiếu kiểm kê kho.

The screenshot shows a web application interface for 'Kiểm kê kho' (Inventory Check). On the left is a sidebar with a logo placeholder 'Img Logo' and 'Công ty X'. The sidebar menu includes 'Trang chủ', 'Kho hàng' (selected), 'Nhập Kho', 'Xuất Kho', 'Điều Chỉnh Kho', 'Kiểm Kê Kho', 'Cài đặt', and 'Hồ sơ'. At the bottom of the sidebar is a 'Đăng xuất' button. The main content area is titled 'Kiểm kê kho' and contains a table titled 'Danh sách phiếu kiểm kê kho'. The table has 7 columns: 'Mã SP', 'Tên SP', 'Số lượng tồn kho', 'Số lượng thực tế', 'Chênh lệch', 'Giá trị chênh lệch', and 'Thao tác'. The table contains 12 rows of data. At the bottom right of the main area is a circular button with a plus sign.

Mã SP	Tên SP	Số lượng tồn kho	Số lượng thực tế	Chênh lệch	Giá trị chênh lệch	Thao tác
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...

Hình 12: Xem danh sách phiếu kiểm kê kho.

Màn hình tạo phiếu kiểm kê kho.

This screenshot shows the same 'Kiểm kê kho' screen as Figure 12, but with a modal form titled 'Tạo Phiếu Kiểm Kê Kho' (Create Inventory Check Slip) open in the center. The modal has a close button (X) in the top right corner. It contains six input fields with labels and example values: 'Mã sản phẩm (\*)' (Ex: SP001), 'Tên sản phẩm (\*)' (Ex: Áo khoác), 'Số lượng tồn kho (\*)' (Ex: 10), 'Số lượng thực tế (\*)' (Ex: 10), 'Chênh lệch (\*)' (Ex: 10), and 'Giá trị chênh lệch (\*)' (Ex: 100.000 VND). At the bottom of the modal is a 'Tạo đơn' button. The background table from Figure 12 is visible behind the modal.

Hình 13: Điền thông tin phiếu kiểm kê kho

**3.1.3.2 UC-008: Chỉnh sửa phiếu kiểm kê kho**

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên chỉnh sửa thông tin phiếu kiểm kê kho đã tạo.
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu kiểm kê kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>Phiếu kiểm kê kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên chỉnh sửa phiếu kiểm kê kho thành công.</li> <li>Hệ thống ghi nhận thông tin phiếu sau khi chỉnh sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin phiếu kiểm kê kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu kiểm kê kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu kiểm kê kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu kiểm kê kho cần chỉnh sửa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu kiểm kê kho đã chọn	
BF-5	Nhân viên	Chọn vào trường muốn thay đổi thông tin và nhập thông tin cần thay đổi.	

BF-6	Nhân viên	Nhấn nút chỉnh sửa phiếu	
BF-7	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-8	Hệ thống	Cập nhật thông tin phiếu vừa chỉnh sửa ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo cập nhật phiếu thành công	

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1: Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-7]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

#### EF-1: Hệ thống mất kết nối với máy chủ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống	

		đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

#### EF-2: Nhân viên chọn hủy chỉnh sửa phiếu

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” chỉnh sửa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

### b. Màn hình

Giao diện sửa phiếu kiểm kê kho

**Kiểm kê kho**

Danh sách phiếu kiểm kê kho

Mã SP	Tên SP	Số lượng tồn kho	Số lượng thực tế	Chênh lệch	Giá trị chênh lệch	Thao tác
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...
					100.000VND	...
					0 VND	...
					100.000VND	...
					100.000VND	...
					0 VND	...
					100.000VND	...
					100.000VND	...
					0 VND	...
					100.000VND	...
SP003	Áo khoác	22	18	6	100.000VND	...
SP001	Áo khoác	20	20	0	0 VND	...

**Sửa Phiếu Kiểm Kê Kho**

Mã sản phẩm (\*): SP001

Tên sản phẩm (\*): Áo khoác

Số lượng tồn kho (\*): 10

Số lượng thực tế (\*): 10

Chênh lệch (\*): 10

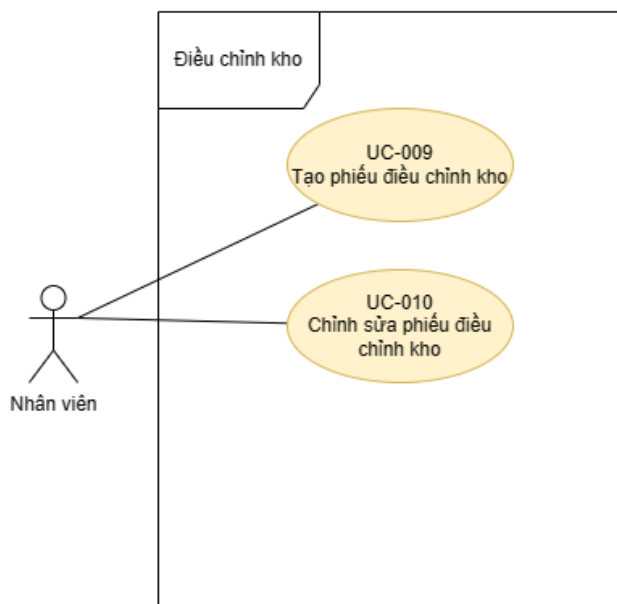
Giá trị chênh lệch (\*): 100.000 VND

Cập nhật đơn

Hình 14: Form thay đổi thông tin phiếu kiểm kê kho.

### 3.1.4 Điều chỉnh kho

#### Biểu đồ Use Case Điều Chỉnh Kho:



Hình 15: Biểu đồ Use Case Điều Chỉnh Kho.

#### 3.1.4.1 UC-009: Tạo phiếu điều chỉnh kho

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên tạo phiếu điều chỉnh kho
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên biết thông cần tạo phiếu điều chỉnh kho.</li> <li>Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân viên tạo phiếu điều chỉnh kho thành công.</li> <li>Hệ thống ghi nhận lại thông tin phiếu.</li> <li>Phiếu kiểm kê kho không được sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn tạo phiếu kiểm kê số lượng hàng hóa trong kho

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Nhấn nút tạo phiếu điều chỉnh kho	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị phiếu điền thông tin điều chỉnh kho	
BF-3	Nhân viên	Nhân viên nhập các thông tin sau : <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mã sản phẩm</li> <li>• Tên sản phẩm</li> <li>• Số lượng tồn kho</li> <li>• Số lượng thực tế</li> <li>• Điều chỉnh thành</li> <li>• Lý do</li> </ul>	
BF-4	Nhân viên	Nhấn nút gửi phiếu	
BF-5	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-6	Hệ thống	Chuyển thông tin phiếu vào danh sách chờ xác nhận cho người quản lý	
BF-7	Quản lý	Xác nhận thông tin phiếu	
BF-8	Hệ thống	Điều chỉnh dữ liệu.	
BF-9	Hệ thống	Xác nhận tạo phiếu thành công	
BF-10	Hệ thống	Thông báo cho nhân viên trạng thái tạo phiếu kiểm kê kho	



**Luồng tương tác thay thế****AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-5]	

**Luồng tương tác ngoại lệ****EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

**EF-2 : Nhân viên chọn hủy tạo phiếu**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” tạo phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

## b. Màn hình

Màn hình danh sách phiếu điều chỉnh kho.

The screenshot displays the 'Điều chỉnh kho' (Warehouse Adjustment) interface. On the left is a sidebar with a logo placeholder 'Img Logo' and 'Công ty X'. The sidebar menu includes 'Trang chủ', 'Kho hàng' (selected), 'Nhập Kho', 'Xuất Kho', 'Điều Chỉnh Kho', 'Kiểm Kê Kho', 'Cài đặt', and 'Hồ sơ'. At the bottom of the sidebar is a 'Đăng xuất' (Logout) button. The main content area is titled 'Điều chỉnh kho' and contains a table titled 'Danh sách phiếu kiểm kê kho' (Warehouse Inventory Voucher List). The table has six columns: 'Mã SP', 'Số lượng tồn kho', 'Số lượng thực tế', 'Điều chỉnh thành', 'Lý do', and 'Thao tác'. It lists 12 rows of data, all with 'Mã SP' as 'SP001', 'Số lượng tồn kho' as '20', 'Số lượng thực tế' as '18', and 'Điều chỉnh thành' as '18'. The 'Lý do' (Reason) for all entries is 'Hàng bị hỏng' (Damaged goods), and the 'Thao tác' (Action) column contains three dots '...'. A '+' button is located at the bottom right of the table area.

Mã SP	Số lượng tồn kho	Số lượng thực tế	Điều chỉnh thành	Lý do	Thao tác
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...
SP001	20	18	18	Hàng bị hỏng	...

Hình 16: Xem danh sách phiếu điều chỉnh kho.

Màn hình tạo phiếu điều chỉnh kho.

This screenshot shows the same 'Điều chỉnh kho' interface as Figure 16, but with a modal form open for creating a new adjustment voucher. The modal is titled 'Tạo Phiếu Điều Chỉnh Kho' (Create Warehouse Adjustment Voucher) and has a close button 'X'. It contains six input fields with labels and example values: 'Mã sản phẩm (\*)' (Ex: SP001), 'Tên sản phẩm (\*)' (Ex: Áo khoác), 'Số lượng tồn kho (\*)' (Ex: 10), 'Số lượng thực tế (\*)' (Ex: 10), 'Điều chỉnh thành (\*)' (Ex: 10), and 'Lý do (\*)' (Ex: Nhập lý do). A 'Tạo đơn' (Create Order) button is at the bottom of the modal. The background table is dimmed and shows only the first and last rows of the data from Figure 16.

Hình 17: Điền thông tin phiếu điều chỉnh kho.

**3.1.4.2 UC-010: Chỉnh sửa phiếu điều chỉnh kho**

Description	Use case này mô tả quy trình nhân viên chỉnh sửa thông tin phiếu điều chỉnh kho đã tạo.
Actors	Nhân viên
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phiếu điều chỉnh kho chưa được quản lý xác nhận.</li> <li>• Phiếu điều chỉnh kho này do nhân viên này tạo.</li> <li>• Nhân viên đủ phân quyền để thực hiện.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhân viên chỉnh sửa phiếu điều chỉnh kho thành công.</li> <li>• Hệ thống ghi nhận thông tin phiếu sau khi chỉnh sửa.</li> </ul>
Trigger	Nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin phiếu điều chỉnh kho.

**a. Luồng sự kiện****Luồng tương tác cơ bản**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Nhân viên	Chọn danh sách phiếu điều chỉnh kho đã tạo	
BF-2	Hệ thống	Hiển thị danh sách phiếu điều chỉnh kho do nhân viên này tạo.	
BF-3	Nhân viên	Chọn phiếu điều chỉnh kho cần chỉnh sửa thông tin	
BF-4	Hệ thống	Hiển thị thông tin chi tiết phiếu xuất kho đã chọn	

BF-5	Nhân viên	Chọn vào trường muốn thay đổi thông tin và nhập thông tin cần thay đổi.	
BF-6	Nhân viên	Nhấn nút chỉnh sửa phiếu	
BF-7	Hệ thống	Kiểm tra thông tin nhân viên nhập	AF-1 : Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ
BF-8	Hệ thống	Cập nhập thông tin phiếu vừa chỉnh sửa ở danh sách phiếu chờ xác nhận của người quản lý	
BF-9	Hệ thống	Thông báo cập nhật phiếu thành công	

### Luồng tương tác thay thế

#### AF-1: Nhân viên nhập thông tin không hợp lệ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Nếu nhân viên nhập thông tin phiếu không hợp lệ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo với nội dung : “Thông tin phiếu không hợp lệ”	
AF-1-2	Nhân viên	Nhập lại các thông tin trong phiếu và gửi	
AF-1-3		[Đi đến BF-7]	

**Luồng tương tác ngoại lệ****EF-1: Hệ thống mất kết nối với máy chủ**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	

**EF-2: Nhân viên chọn hủy chỉnh sửa phiếu**

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-2-1	Nhân viên	Chọn nút “Hủy” chỉnh sửa phiếu	
EF-2-2		[Kết thúc Use case]	

### b. Màn hình

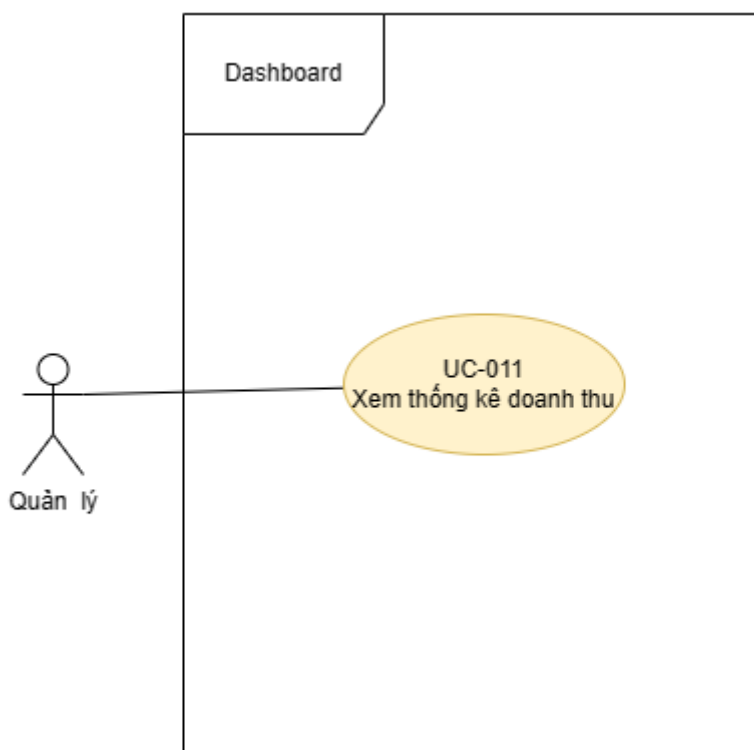
Giao diện sửa phiếu điều chỉnh kho

[illegible]

Hình 18: Form thay đổi thông tin phiếu điều chỉnh kho.

### 3.2 Dashboard

**Biểu đồ Use Case Dashboard:**



Hình 19: Biểu đồ Use Case Dashboard.

#### 3.2.1 UC-010: Xem thống kê doanh thu.

Description	Use case này mô tả quy trình quản lý xem thống kê doanh thu của hàng
Actors	Quản lý
Preconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài khoản đủ quyền hạn để xem thống kê.</li> </ul>
Postconditions	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiển thị trang xem thống kê doanh thu</li> </ul>
Trigger	Quản lý muốn xem thống kê doanh thu của hàng

##### a. Luồng sự kiện

##### Luồng tương tác cơ bản

Step ID	Actor	Action	Notes and References
BF-1	Quản lý	Vào trang chủ hệ thống	
BF-2	Hệ thống	Kiểm tra tài khoản đủ quyền hạn để vào xem thống kê	AF-1: Không đủ quyền hạn để xem
BF-3	Hệ thống	Hiển thị thông tin thống kê doanh thu cửa hàng.	

### Luồng tương tác thay thế

AF-1 : Không đủ quyền hạn để xem

Step ID	Actor	Action	Notes and References
AF-1-1	Hệ thống	Thông báo tài khoản không đủ quyền hạn để xem thống kê	
AF-1-3		[Kết thúc Use-Case]	

### Luồng tương tác ngoại lệ

EF-1 : Hệ thống mất kết nối với máy chủ

Step ID	Actor	Action	Notes and References
EF-1-1	Hệ thống	Nếu hệ thống mất kết nối với máy chủ, thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo cho nhân viên với nội dung : “Hệ thống đang mất kết nối với máy chủ. Vui lòng thử lại sau!!!”	
EF-1-2		[Kết thúc Use case]	



b. Màn hình

Màn hình xem thống kê doanh thu.

